

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST  
Ngày 26-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Hải Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Trịnh Tuấn Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Đàm Văn N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1992 tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm T và bà Trần T; có vợ là Nguyễn T và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện H, xử phạt 01 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam, giữ; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/01/2022, bị tạm giam từ ngày 30/01/2022 đến nay. Có mặt.

2. Nông Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1987 tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông U (đã chết) và bà Lương T (đã chết); có vợ là Lục T và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn N:** Bà Lương T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lãng V, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn L, xã , huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 12/12/2021, Đàm Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12L1-108.20 từ quán nước ở thôn Đ đến quán Bi-A nhà Nông Văn Đ, ở thôn Đ cùng xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đến nơi, N xem mọi người chơi Bi-A, đến khoảng 23 giờ cùng ngày Nông Văn Đ nhắc khách chuẩn bị nghỉ, lúc này Đàm Văn N rủ Đ chơi Bi-A thắng thua bằng tiền, Đ đồng ý, ban đầu thống nhất chơi mỗi ván 100.000 đồng. Trước khi đánh bạc Đàm Văn N có 4.300.000 đồng, Nông Văn Đ có 1.200.000 đồng, để đánh bạc. Đối với bàn Bi-A dùng để đánh bạc là của Lãng V, gửi nhờ ở nhà Nông Văn Đ, Đạt không biết Đ sử dụng bàn Bi-A vào việc đánh bạc.

Khi đánh bạc được mấy ván thì nâng lên mỗi ván người thua phải trả cho người thắng 200.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ ngày 13/12/2021, Đàm Văn N thua hết tiền, Đàm Văn N hỏi vay Đ 5.000.000 đồng để chơi tiếp, Đ đồng ý đưa tiền cho N vay 5.000.000 đồng, để tiếp tục đánh bạc. Sau khi vay được tiền, hai bên chơi tiếp được mấy ván thì nâng lên mỗi ván 400.000 đồng, đến khoảng 05 giờ ngày 13/12/2021, N thua chỉ còn 800.000 đồng thì hai bên nghỉ. Sau khi hai bên nghỉ, Đàm Văn N không có tiền trả số tiền vay Đ 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc nên Nông Văn Đ đã giữ xe mô tô 12L1-108.20 để khi nào N trả số tiền vay 5.000.000 đồng thì mới trả xe mô tô cho N.

Khi về đến nhà, Đàm Văn N cho rằng Nông Văn Đ lợi dụng lúc N say rượu để chơi Bi-A lấy tiền của N nên đã làm đơn trình báo đến Công an xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Với nội dung như trên Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Đàm Văn N, Nông Văn Đ, về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn N, Nông Văn Đ, phạm tội Đánh bạc. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 56, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Văn N, xử phạt bị cáo từ 08 - 10 tháng tù, tổng hợp với hình phạt của bản án số 12/2022/HSST, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung từ 01 năm 08 tháng đến 01 năm 10 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn Đ, xử phạt bị cáo từ 07 - 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Về xử lý vật chứng, áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị, tịch thu số tiền 5.500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại ông Lãng V: 01 bàn Bi-A, 02 cơ Bi-A (gậy chọc bi a), 11 quả Bi-A; trả lại Đàm Văn N: 01 chứng nhận đăng ký xe

mô tô, 01 xe mô tô 12L1-108.20. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

*Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn N:* Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét đến nhân thân của bị cáo, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trình độ nhận thức pháp luật của bị cáo hạn chế; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo ở mức Viện kiểm sát đề nghị nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về hình phạt tù đối với bị cáo N. Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng 23 giờ ngày 12/12/2021 đến khoảng 05 giờ ngày 13/12/2021, tại quán của Nông Văn Đ ở thôn Đ, xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Đàm Văn N và Nông Văn Đ, đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Bi-A sát phạt nhau bằng tiền, tổng số tiền dùng để đánh bạc 9.700.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Đàm Văn N, Nông Văn Đ, về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc của nhiều gia đình, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo là những người ham mê đồ đen muốn có tiền một cách nhanh chóng, bị cáo Đàm Văn N là người rủ đánh bạc trước, bị cáo Nông Văn Đ sử dụng bàn Bi-A, địa điểm do mình quản lý để đánh bạc nên các bị cáo có vai trò như nhau.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn Đ là người có nhân thân tốt, lần phạm tội này là lần đầu; bị cáo Đàm Văn N ngày 28/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, xử phạt 01 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam, giữ. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đàm Văn N có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải; tự thú tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có bố được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn Đ có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và đề nghị hình phạt tù cho hưởng án treo và hình phạt tù giam đối với các bị cáo là có căn cứ, do đó ý kiến của người bào chữa đề nghị cho bị cáo Đàm Văn N được hưởng án treo Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc mức án phù hợp đối với từng bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Theo biên bản xác minh thể hiện các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với số tiền 5.500.000 đồng là tiền đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách; đối với các vật chứng khác xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Về biện pháp tư pháp: Theo kết quả điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 9.700.000 đồng. Trong đó, các bị cáo đã giao nộp số tiền 5.500.000 đồng, trong quá trình đánh bạc bị cáo N vay của bị cáo Đ để tiếp tục đánh bạc và bị cáo đã sử dụng 4.200.000 đồng vào việc đánh bạc, số tiền này chưa giao nộp. Do đó, căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tịch thu của bị cáo N để nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Đàm Văn N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nông Văn Đ.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn N, Nông Văn Đ, phạm tội Đánh bạc.

**2. Về hình phạt:**

2.1. Xử phạt bị cáo Đàm Văn N, 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam, giữ tại Bản án số: 12/2022/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo Đàm Văn N phải chịu hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ, 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2022).

Giao bị cáo Nông Văn Đ cho Ủy ban nhân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về biện pháp tư pháp:** Tịch thu bị cáo Đàm Văn N số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), để nộp ngân sách nhà nước.

**4. Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Đàm Văn N: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004189, 01 xe mô tô biển kiểm soát 12L1-108.20.

- Trả lại cho ông Lãng V: 01 bàn Bi-A, 02 cơ Bi-A (gậy chọc bi a), 11 quả Bi-A.

*(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, chi tiết các vật chứng mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 4 năm 2022; số tiền 5.500.000 đồng đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng theo Giấy nộp tiền ngày 26/4/2022 và Lệnh thanh toán (tiền mặt) ngày 26/4/2022, tại AGRIBANK huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)*

**5. Về án phí:** Các bị cáo Đàm Văn N, Nông Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; NCQLNVLQ; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Hải Đoàn**